

**TÌM HIỂU NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT Á NAM TRẦN TUẤN KHẢI
TỪ GÓC NHÌN LÝ THUYẾT NGÔN NGỮ ĐÁNH GIÁ
(Trường hợp bài thơ “Hai chữ nước nhà”)**

Trương Thị Nhân

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nhandhkhhue@gmail.com

Ngày nhận bài: 02/7/2021; ngày hoàn thành phản biện: 5/7/2021; ngày duyệt đăng: 02/11/2021

TÓM TẮT

Bài viết là một thử nghiệm ứng dụng lý thuyết ngôn ngữ đánh giá với bộ công cụ đánh giá được phát triển bởi Martin và White (2005) để phân tích và tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật của một tác giả tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại - Á Nam Trần Tuấn Khải, giới hạn qua bài thơ “Hai chữ nước nhà” hiện đang được chọn giảng dạy ở chương trình Ngữ văn phổ thông Lớp 8.

Từ khóa: Á Nam Trần Tuấn Khải, bộ công cụ đánh giá, lý thuyết ngôn ngữ đánh giá, ngôn ngữ nghệ thuật.

1. MỞ ĐẦU

Ngôn ngữ đánh giá là một lý thuyết mới của ngôn ngữ học hiện đại, được Martin và Rose (2003), Martin và White (2005) đề xuất trên nền tảng lý thuyết ngôn ngữ học chức năng hệ thống của M.A.K. Halliday⁽¹⁾. Theo lý thuyết NNĐG, hệ thống ngôn ngữ đánh giá là phương tiện để tiếp cận cảm xúc, thái độ hoặc sự đánh giá của người sử dụng ngôn ngữ đối với các đối tượng, sự kiện hoặc con người, có vai trò của một hệ thống “nguồn lực” tạo ra ý nghĩa liên nhân (interpersonal meaning): “Đánh giá hay thẩm định (Appraisal) là một hệ thống nghĩa liên nhân. Nguồn ngôn ngữ đánh giá được người nói/người viết (gọi tắt là người nói) sử dụng để trao đổi quan hệ xã hội, để bày tỏ thái độ, lập trường, quan điểm chủ quan của họ đối với nội dung được trình bày trong văn bản và đối với những thực thể tham gia giao tiếp với họ” [6, tr. 22).

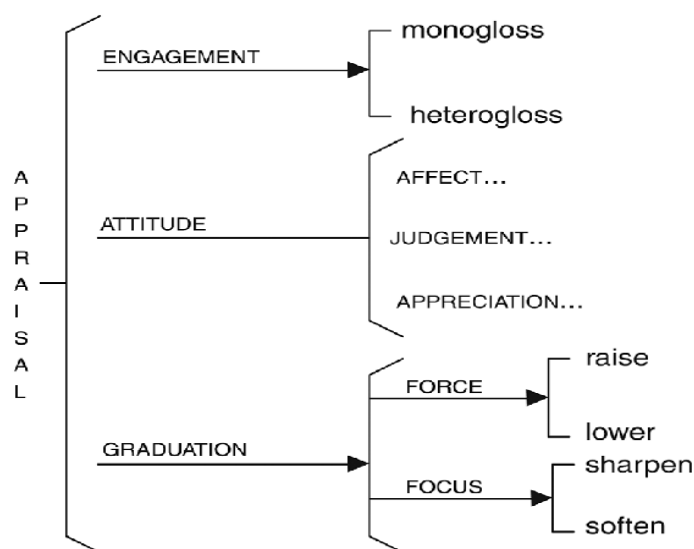
(1) Lý thuyết của Halliday đề cập ba loại ý nghĩa liên quan đến ba “siêu chức năng” của ngôn ngữ: chức năng kinh nghiệm, chức năng liên nhân và chức năng văn bản.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái lược về khung đánh giá (Appraisal framework)

Khung đánh giá hay bộ công cụ đánh giá là một nội dung của lý thuyết ngôn ngữ đánh giá đang là trào lưu được nhiều nhà ngôn ngữ học trên thế giới và trong nước quan tâm nghiên cứu và vận dụng vào phân tích ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp, bao gồm giao tiếp bằng văn học.

Với hệ thống đánh giá, ngôn ngữ được bình diện hóa thành ba trường nghĩa tương tác: Thái độ (Attitude), Thang độ (Graduation) và Giọng điệu (Engagement). Có thể hình dung các nhân tố trong hệ thống đánh giá theo sơ đồ sau:



Sơ đồ Hệ thống đánh giá của Martin & White [8, tr. 38]

Bài viết là một thử nghiệm ứng dụng bộ công cụ đánh giá để phân tích và tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật của một tác giả tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại trong giai đoạn đầu của quá trình hiện đại hóa văn học dân tộc – Á Nam Trần Tuấn Khải, giới hạn qua bài thơ “Hai chữ nước nhà” hiện đang được giảng dạy ở chương trình Ngữ văn phổ thông Lớp 8.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung khảo sát ngôn ngữ đánh giá trong bài thơ của Á Nam Trần Tuấn Khải theo bình diện Thái độ xem xét tác giả đã trực tiếp biểu thị cảm xúc hoặc thái độ đối với người khác, đối với các sự vật, hiện tượng hoặc tác động để người khác có cùng thái độ với mình, với các biểu hiện liên quan đến các thành tố Tác động/tình cảm (Affect), Phán xét hành vi (Judgement) và Đánh giá sự vật hiện tượng (Appreciation), với nhiều biểu hiện cụ thể như cảm xúc tích cực hay tiêu cực, vui hay buồn, mong muốn hay không mong muốn, thỏa mãn hay không thỏa mãn; hành vi chuẩn tắc hay không chuẩn tắc; sự vật tốt hay không tốt, đẹp hay xấu.... Tuy nhiên, có thể tựu trung vào hai tiêu chí cơ bản: TÍCH CỰC hay TIÊU CỰC.

2.2. Á Nam Trần Tuấn Khải và sự lựa chọn phương tiện đánh giá trong “Hai chữ nước nhà”

Á Nam Trần Tuấn Khải là một tên tuổi lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam, nổi danh trên văn đàn Việt từ đầu thập niên 20 của thế kỷ trước. Xuất thân trong một gia đình Nho học, được học chữ Hán, biết làm thơ bằng chữ Hán, nhưng Á Nam Trần Tuấn Khải lại được biết đến như là một trong những tác giả mở đường cho nền thơ văn quốc ngữ thời hiện đại, với những cách tân nghệ thuật ở nửa đầu thế kỷ XX, đặc biệt là về nghệ thuật ngôn từ.

Tuy nhiên, so với nhiều tác giả cùng thời, Á Nam có tác phẩm đa dạng hơn hẳn về mặt thể loại và phong cách chức năng ngôn ngữ, bao gồm cả văn xuôi (tiểu thuyết, kịch, dịch thuật, tản văn) và thơ. Riêng về thơ, cùng với các thể thơ chữ Hán quen thuộc của văn học trung đại như Bát cú Đường luật, Tứ tuyệt, Á Nam Trần Tuấn Khải còn sử dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn các thể thơ truyền thống của dân tộc: Lục bát, Thất ngôn bát cú, các điệu hát Sa mạc, Hát nói, Hát xẩm, Hát ví... Phải chăng, chính sự phong phú, đa dạng và đậm chất truyền thống, chất dân gian, cộng với tác lòng yêu nước ẩn chứa trong từng câu chữ đã đem lại cho thơ Á Nam Trần Tuấn Khải một sức lan tỏa diệu kỳ trong đời sống văn hóa dân tộc, được người dân đương thời truyền tụng như những bài ca, khúc hát dân gian?

“Hai chữ nước nhà” là bài thơ đầu tiên trong tập thơ “Bút quan hoài I”, xuất bản lần đầu năm 1927. Được biết, “Bút quan hoài I”, ngay sau khi xuất bản, đã bị đưa vào diện “sách cấm”, bị thực dân Pháp cấm lưu hành và tàng trữ. Tuy nhiên, đây cũng là tập thơ có sức sống mãnh liệt, với những bài được lưu truyền cho đến ngày nay như *Gửi thư cho anh Khóa* qua làn điệu hát xẩm trong dân gian; *Anh đi anh nhớ quê nhà...* được các soạn giả hiện đại đưa vào kho tàng ca dao Việt Nam; “Hai chữ nước nhà” được dạy trong chương trình Ngữ văn Lớp 8 hiện nay...

Từ góc nhìn ngôn ngữ học, dựa vào lý thuyết đánh giá, chúng tôi đã khảo sát các phương tiện ngôn ngữ có ý nghĩa đánh giá trong “Hai chữ nước nhà”, phát hiện một hệ thống nguồn lực khá đa dạng được lựa chọn sử dụng cùng khuynh hướng cảm xúc, thái độ, sự đánh giá đối với sự vật được nói tới của tác giả Á Nam Trần Tuấn Khải.

Kết quả như sau:

Bảng 1. Sự lựa chọn nguồn lực đánh giá trong bài thơ Hai chữ nước nhà

STT	NGUỒN LỰC ĐÁNH GIÁ	Số lần xuất hiện	Thái độ tích cực		Thái độ tiêu cực	
			Số lần	Tỉ lệ %	Số lần	Tỉ lệ %
1	Từ xưng hô	22	22	100	0	0
2	Từ Hán Việt	76	60	79	16	21
3	Thành ngữ	14	3	21	11	79

4	Các từ ngữ mang tính ước lệ, tượng trưng	32	30	93	2	7
5	Từ cổ/âm địa phương	16	12	75	4	25
6	Kết cấu đăng đối	9	5	56	4	44

Cần thấy, sự phân chia trên đây chỉ là tương đối, bởi các loại nguồn lực không loại trừ nhau. Từ Hán Việt có thể xuất hiện trong thành ngữ, các từ ngữ mang tính ước lệ, tượng trưng... Ngoài trừ thành ngữ với 79% nghiêng về đánh giá tích cực, các phương tiện khác đều thiên về đánh giá tích cực, điển hình như từ xưng hô (100% tích cực), các từ ngữ mang tính ước lệ (93% tích cực), từ Hán Việt (79% tích cực).

2.3. Về đặc điểm các phương tiện đánh giá trong “Hai chữ nước nhà”

Trước hết là về từ xưng hô, xưng hô là một phạm trù giao tiếp mang đậm tính chất liên nhân trong tiếng Việt, đặc sắc bởi sự biểu hiện mối quan hệ liên nhân giữa các nhân tố giao tiếp, trong từng tình huống giao tiếp. Hai chữ nước nhà là bài thơ mà như chính tác giả Á Nam đã chú giải trong tác phẩm: “Nghĩ lời ông PHI KHANH dặn ông NGUYỄN TRÃI khi ông bị quân Minh bắt giải sang Tàu” (“Bút quan hoài I”, tr. 16). Mượn lời nhà nho yêu nước Nguyễn Phi Khanh, tác giả tái hiện cuộc giao tiếp với diễn ngôn của người một người cha nói với con. Cặp từ xưng hô “cha – con” được xuất hiện đến 22 lần trên 101 dòng thơ, biểu hiện mối quan hệ thân cận, ruột rà, thiêng liêng giữa hai nhân vật. Đáng chú ý, trong 22 lần xuất hiện của cặp từ xưng hô, có đến 16 lần xuất hiện “con”, cho thấy người nói không chủ ý nói về mình mà hướng đến người nghe, với những lời chia sẻ, dặn dò, nhắn nhủ, những tác động nhằm thay đổi cảm xúc, hướng người con vào nỗi quan hoài về giống nòi và quê hương xứ sở:

Trông con tâm tã châu rơi

Con ơi con nhớ lấy lời cha khuyên:

Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định...

Sự xuất hiện của cặp từ xưng hô “cha – con” cùng cách lựa chọn sử dụng từ xưng hô cho thấy phần nào thái độ tích cực của nhân vật giao tiếp, cũng chính là của tác giả đối với nhân vật của mình.

Về từ ngữ Hán Việt: Từ ngữ Hán Việt là một lớp phương tiện từ vựng giàu sức đánh giá, bởi tính khái quát và màu sắc trang trọng, cổ kính của nó. Thật dễ hiểu, khi qua lời một nhà nho, một chí sĩ yêu nước đầu thế kỷ XV, các từ ngữ gốc Hán đã Việt hóa được sử dụng một cách tự nhiên, nhuần nhuyễn, với mật độ đáng kể như thế: 76 lần/101 dòng thơ. Nhiều từ trong đó hiện ít được dùng như *hoàng thiên, chính khí, dư uy, dư đồ, hồ thi, tổ tôn, cầu trệ...* hay *Gia, Quốc* (dùng như các yếu tố độc lập). Phần lớn các từ ngữ Hán Việt được dùng với sự đánh giá tích cực, đặc biệt khi nói về giống nòi, giang sơn nước Việt, làm toát lên lòng tự hào cùng thái độ trang trọng, nghiêm cẩn: *anh hùng, hiệp nữ, đô thị, dân gian, độc lập, dư đồ, giang san, hào kiệt, chính khí, san hà, quốc hiển gia vinh...* Còn những từ Hán Việt có ý nghĩa đánh giá tiêu cực được dành cho việc

biểu hiện chiến tranh và nỗi đau mất nước: *ảm đạm, bất bình, xâm lăng, quốc biến, huyết chiến, cố quốc...* Tỉ lệ 93% cho thấy khuynh hướng tích cực chiếm ưu thế như thế nào trong cảm xúc, sự đánh giá đối với NƯỚC NHÀ của người nói, cũng là của tác giả trong diễn ngôn “Hai chữ nước nhà”.

Về thành ngữ: Nói đến thành ngữ là nói đến một loại đơn vị từ vựng có tính cố định, sẵn có, mang nghĩa biểu trưng và đặc biệt là giàu màu sắc biểu cảm. Trong “Hai chữ nước nhà”, thành ngữ xuất hiện 14 lần, đều là thành ngữ 4 tiếng, đem lại cho bài thơ những kết cấu sóng đôi mang tính biểu trưng, chủ yếu là về giang sơn đất nước trong con biến loạn: *mây sâu – gió thảm, hổ thét – chim kêu, xương rừng – máu sông, thành tung – quách vỡ, bỏ vợ – lìa con, tuổi già – sức yếu, sẻ ghé – tan đàn, đầu son – tuổi trẻ, sông dề – sông mật, gục mặt – cúi đầu, chân mây – mặt cỏ, tượng đồng – bia đá, đất động – trời kinh, quốc hiển – gia vinh*. Phần lớn trong đó (11/14 lần) mang màu sắc đánh giá tiêu cực, liên quan đến nỗi đau mất nước.

Điều đáng nói, theo khảo sát riêng của chúng tôi, cùng một thể loại Song thất lục bát, ở “Chinh phụ ngâm”, trong số 476 dòng thơ, chỉ thấy xuất hiện 6 thành ngữ, chủ yếu là về tình yêu nam nữ (*lòng chàng ý thiếp, trâm cài xiêm thắt, điểm phấn trang hồng, chân trời mặt đất, xếp bào cời giáp, điểm phấn đeo hương*), tỉ lệ 1,3% trên số dòng thơ. Trong khi tỉ lệ đó ở “Hai chữ nước nhà” là 14 đơn vị trên 101 dòng thơ, chiếm gần 14%.

Cùng có giá trị biểu trưng như thành ngữ là hàng loạt các từ ngữ mang tính ước lệ, tượng trưng xoay quanh hình tượng chủ đạo NƯỚC NHÀ: *hạt máu nóng, hồn nước (2 lần), nước/quốc (5 lần), dậm khơi, giếng Hồng Lạc, trời Nam, vận nước, xương rừng máu sông, nơi đô thị, chốn dân gian, thảm vong quốc, cơ đồ, nòi giống/ giống nòi, Nùng Lĩnh, Long Giang, giang sơn (3 lần), tổ tông, bờ cõi, lịch sử (2 lần), ngọn cờ độc lập, sông Bạch Đằng, dư đồ, quốc hiển gia vinh...* Từ điển tiếng Việt định nghĩa: “nước nhà. Nước của mình (gọi một cách thân thiết)” [4, tr. 724]. Xuất hiện trong bối cảnh bài thơ, chỉ có thể hiểu đó chính là nước Việt của nòi giống Lạc Hồng, và không phải chỉ là nước Việt thời đại chống quân xâm lược nhà Minh, mà là nước người Việt của mọi thời đại chống ngoại xâm, giữ gìn bờ cõi:

Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định

Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay

Trời Nam riêng một cõi này

Cùng với đó là những lời thơ thống thiết mang biểu tượng hai mặt: *kiếp nô lệ, thân tự do, loài nô lệ, thân tôi đòi*, một mặt là của lời người mất nước từ ngót 600 năm trước, nhưng một mặt cũng là lời của người Việt Nam yêu nước nói với giống nòi muôn đời:

Kiếp luôn cúi, đỉnh chung cũng nhục;

Thân tự do chiến chúc mà vinh

.....

Chớ lần lữa theo loài nô lệ

Bán tổ tiên kiếm kế sinh nhai

Dem thân đây dọa tôi đòi

....

Góp phần vào sự đánh giá thái độ trong bài thơ, còn phải kể đến các phương tiện như từ ngữ với âm cổ hay âm địa phương: *giời* (trời), *giời nam*, *cõi giời*, *dậm khơi*, *nom*, *khêu tấc lòng*, *châu* (nước mắt), *thừa hội*, *nhường* (đường như), *chiên chúc*, *nhục nhằn*..., góp phần mang lại âm hưởng cổ kính mà không kém phần trang trọng cho sự vật, hiện tượng được nói tới. Cùng với đó là hàng loạt kết cấu đẳng đối ở cả hai cấp độ: giữa hai dòng thơ song thất (7 cặp) và trong một dòng thơ, đem lại cảm giác hài hòa, cổ kính, trang nhã, phần nào thỏa mãn cảm quan của người quen sống trong cảm hứng thời đại văn chương biên ngẫu...

- Nơi đô thị thành tung quách võ

Chốn dân gian bỏ vợ lìa con

- Khói Nùng linh như xây khối uất

Sóng Long giang nhường vật còm sâu

- Giết giặc nước, trả thù chồng

- Gươm reo chính khí, nước rền dư uy

...

3. KẾT LUẬN

Từ vựng tiếng Việt giàu có tiềm năng đánh giá. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tiềm năng đánh giá của các lớp từ ngữ: từ tình thái, từ láy, từ ghép, từ Hán Việt, từ địa phương, từ khẩu ngữ, từ ngữ lóng... Chúng tôi muốn bổ sung vào hệ thống nguồn lực đánh giá những từ ngữ được sử dụng với ý nghĩa ước lệ, tượng trưng, những kết cấu đẳng đối như đã phân tích trong bài viết.

Từ những phân tích về ngôn ngữ đánh giá trên đây, có thể nhận thấy rõ hai khuynh hướng đánh giá tích cực và tiêu cực đối lập liên quan đến nội dung biểu hiện của bài thơ. Phần đánh giá tích cực dành cho giang sơn, giống nòi. Phần đánh giá tiêu cực dành cho nỗi nước mất nhà tan. Tuy nhiên, hơn tất cả, khuynh hướng đánh giá tích

cực vẫn chiếm ưu thế, cho thấy sự chiếm lĩnh của cảm xúc yêu thương, tự hào và không bi lụy của tác giả khi nghĩ về “hai chữ nước non” ...

Cũng từ những phân tích trên, chúng tôi nhận thấy thêm nét đặc trưng trong ngôn ngữ nghệ thuật thơ Á Nam Trần Tuấn Khải, đó là *tính ước lệ, tượng trưng* cùng sắc thái *trang trọng, cổ kính, hài hòa* mà tác giả tạo nên qua các các từ ngữ mang nghĩa biểu trưng, các thành ngữ, từ Hán Việt, các kết cấu sóng đôi..., phần nào thỏa mãn được mỹ cảm của người yêu thích văn học truyền thống, muốn lấy truyền thống để nói về hiện tại, lấy chuyện xưa để nói chuyện nay... Đối với Á Nam, đó là lấy nỗi lòng người vong quốc thời đại nhà Minh xâm lược để nói về nỗi quan hoài của người dân nô lệ thời thuộc Pháp. Dễ hiểu, vì sao chính quyền thực dân xâm lược nhận thấy tính chất “nguy hiểm” và đã ra tay đàn áp, cấm lưu hành và tàng trữ, khi “Hai chữ nước nhà” cùng tập thơ “Bút quan hoài I” vừa ra mắt công chúng người Việt nửa đầu thế kỷ XX.

Trên đây chỉ là một thể nghiệm bước đầu của chúng tôi trong việc sử dụng bộ công cụ đánh giá được phát triển bởi Martin và White (2005), và cũng mới chỉ tập trung vào một phương diện, đó là đánh giá Thái độ, với một nguồn ngữ liệu được hạn chế là bài thơ “Hai chữ nước nhà”. Nếu mở rộng phân tích một cách đầy đủ trên tất cả các tiêu chí của bộ công cụ đánh giá và trên một nguồn cứ liệu rộng rãi hơn, chắc chắn sẽ đem lại nhiều hiểu biết mới hơn về ngôn ngữ nghệ thuật của Á Nam Trần Tuấn Khải. Và trong bối cảnh đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông Ngữ văn hiện nay, hy vọng, bài viết có thể đem lại chút gợi mở cho việc phân tích, giảng dạy tác phẩm văn học dựa vào ngôn ngữ, theo định hướng ứng dụng lý thuyết ngôn ngữ học chức năng hệ thống, đặc biệt trong lĩnh vực ngôn ngữ đánh giá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Mạnh Hùng (2016). Ngôn ngữ học chức năng hệ thống: ứng dụng xây dựng chương trình ngữ văn (Kinh nghiệm của Australia và những gợi ý cho Việt Nam), *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 10, tr. 35-46.
- [2]. Nguyễn Thị Hương Lan (2018). “Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá trong sách giáo khoa bậc tiểu học (So sánh sách giáo khoa tiểu học ở Singapore và sách tiếng Việt tiểu học ở Việt Nam)”, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3]. Trần Thị Tú Linh (2019). “Ngôn ngữ đánh giá trong phóng sự “Cạm bẫy người” của Vũ Trọng Phụng”, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.
- [4]. Hoàng Phê (chủ biên, 1994). *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học - Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ.
- [5]. Trần văn Phước (2019). Sự lựa chọn ngôn ngữ đánh giá tình cảm trong một số truyện ngắn Việt Nam, *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, số 9 (289).

- [6]. Halliday, M. A. K. (1994). An introduction to functional grammar: E. Arnold.
- [7]. Martin, J.R.& Rose, D. (2003). Working with Discourse: Meaning Beyond the Clause, (2007a, 2nd ed.). London: Continuum.
- [8]. Martin, J. R., & White, P. R. (2005). The Language of Evaluation: Appraisal in English. Londo Panxiaoxia, S (2010). Analysis of attitudes in story genres from English Textbooks for senior high schools (Oxford/Shanghai).

NGUỒN NGŨ LIỆU

Á Nam Trần Tuấn Khải (1927), **Bút quan hoài**, Quyển I, Hiệu sách Xương ký xuất bản, tái bản lần thứ ba năm 1957.

A STUDY ON THE ARTISTIC LANGUAGE OF A NAM TRAN TUAN KHAI FROM THEORY OF LANGUAGE OF EVALUATION (Case of the poem "Hai chu nuoc nha")

Truong Thi Nhan

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: nhandhkhhue@gmail.com

ABSTRACT

The article applied the theory of language of evaluation with a set of assessment tools developed by Martin and White (2005) to analyze and understand the artistic language characteristics of a typical author of Modern Vietnamese poetry - A Nam Tran Tuan Khai, within the framework of the poem Hai chu nuoc nha which is currently being taught in the Grade 8 general literature program.

Keywords: A Nam Tran Tuan Khai, Appraisal framework, Artistic Language, Theory Language of Evaluation.



Trương Thị Nhân sinh ngày 12/02/1963 tại Quảng Trị. Bà tốt nghiệp Cử nhân Sư phạm Ngữ văn năm 1984 và tốt nghiệp Tiến sĩ Ngôn ngữ học năm 1995. Năm 2016, bà nhận học hàm Phó giáo sư Ngôn ngữ học. Hiện nay, bà là Giảng viên tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Ngôn ngữ học.